



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

SỐ: 293/KĐT - CBTT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG TRONG THỜI HẠN 24H

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Công ty: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị

Mã CK: PCG

Trụ sở chính: Tầng 4 – Số 167 – Trung Kính – Yên Hòa - Cầu Giấy – Hà nội

Điện thoại: 04.37346848 Fax: 04.37346838

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Huệ

Điện thoại : 04.37346858 (4308);

Fax: 04.37346838

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 30/12/2021, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT về các nội dung sau:

1. Thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty. Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Bích Ngọc làm Trưởng ban kiểm toán nội bộ Công ty kể từ ngày 30/12/2021.
2. Phê duyệt Quy chế Kiểm toán nội bộ như đính kèm.
3. Ủy quyền cho Giám đốc Công ty toàn quyền quyết định các nội dung về dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp Gas trung tâm tại khu Công nghiệp Phú Vinh.

Chi tiết như Nghị quyết đính kèm

Nội dung trên được Công ty cập nhật trên website tại địa chỉ: pvgascity.com.vn tại mục quan hệ cổ đông.

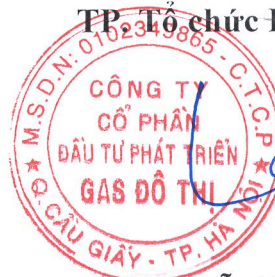
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BGĐ (để b/cáo);
- Lưu VT.

Người được ủy quyền CBTT

TP. Tổ chức Hành chính



Nguyễn Thị Huệ



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**
城市燃气发展投资股份公司
SỐ: 07/KĐT-NQHĐQT
编号: : 07/KĐT-NQHĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
越南社会主义共和国
独立-自由-幸福

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021
河内, 2021年12月30日

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
城市燃气发展投资股份公司的董事会

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị;
根据城市燃气发展投资股份公司的章程
- Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị;
根据城市燃气发展投资股份公司董事会工作的规程
- Căn cứ biên bản số 07/KĐT- BBHĐQT ngày 30/12/2021 của HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị.
根据 2021年12月30日城市燃气发展投资股份公司董事会会议的纪要

QUYẾT NGHỊ:
决议

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Công ty toàn quyền quyết định các nội dung về dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp Gas trung tâm tại khu Công nghiệp Phú Vinh như sau:

第一条: 授权公司总经理决定富荣工业园区建设供气系统投资项目相关的以下内容:

- Quyết định dừng/tạm dừng/hủy thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp Gas trung tâm tại khu Công nghiệp Phú Vinh;
决定停止/暂停/取消在富荣工业园区建设供气系统投资项目实施;
- Quyết định cầm cố, thế chấp bán/chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần: đất và tài sản trên đất của dự án nói trên cho bên thứ 3 để vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả việc quyết định toàn bộ các nội dung (lãi, thời hạn cầm cố, thế chấp, giá chuyển nhượng/bán...) tại các hợp đồng cầm cố, thế chấp, bán/chuyển nhượng này (nếu có); hoặc quyết định trả lại cho chủ đầu tư đất đã thuê và trả/chuyển nhượng lại tài sản trên đất, kể cả quyết định giá, phương thức thanh toán của việc trả lại tài sản này.
决定与芙蓉工业园区管理委员会谈判终止土地使用权租赁合同或者将项目土地上的全部或部分土地和资产质押、抵押、转让给第三方, 为生产经营活动借款, 包括决定整套内容(利息、抵押期限、转让价格等)(如有)

Điều 2. Thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty. Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Bích Ngọc làm Trưởng ban kiểm toán nội bộ Công ty kể từ ngày 30/12/2021.

第二条: 设立公司董事会直属的内部审计会, 从 2021年12月30日任命阮氏碧玉女士为公司内部审计会负责人。

Điều 3. Phê duyệt Quy chế Kiểm toán nội bộ như đính kèm.

第三条: 批准所附的内部审计规则;

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên HĐQT; Ban Giám đốc, và cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.



第四条：本决议自签署之日起生效。公司董事会，经理班子以及相关单位负责实施本决议。

Nơi nhận:

接收处

- Như điều 4;
第四条
- TVHĐQT, BKS;
董事会，监事会成员
- Phòng TCHC;
人事行政部
- Lưu VT,H.03.
存档：文员；阮氏惠

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

代表董事会

CHỦ TỊCH

主席



Nguyễn Thanh Tú

阮清秀



QUY CHẾ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

内部审计规则

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/KĐT -NQHĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị)
(与城市燃气投资发展股份公司 2021 年 12 月 30 日之决定共同颁发)

Chương I

第一章

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

总则

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

第一条：调整范围

Quy chế này quy định mục tiêu, phạm vi hoạt động, vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của kiểm toán nội bộ tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị và mối quan hệ với các bộ phận khác bao gồm cả phạm vi và cách thức cung cấp thông tin phục vụ kiểm toán; trong đó có các yêu cầu về tính độc lập, khách quan, các nguyên tắc cơ bản, yêu cầu về trình độ chuyên môn, việc đảm bảo chất lượng của kiểm toán nội bộ và các nội dung có liên quan khác.

本规则规定城市燃气投资股份有限公司内部审计的目标、活动范围、职位、任务、职权和职责以及与其他部门的关系，包括提供审计信息的范围和方式；包含独立性、客观性、基本面、专业资格、内部审计质量保证等相关事项的要求。

Điều 2. Đối tượng áp dụng

第二条：适用对象

Quy chế này áp dụng cho tất cả thành viên Ban Kiểm toán nội bộ của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán nội bộ trong phạm vi: Công ty mẹ, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty TNHH MTV do GAS CITY nắm giữ 100% vốn điều lệ.

本条例适用于城市燃气发展投资股份公司：母公司、附属单位、GAS CITY 持有 100% 特许资本的成员单位之内部审计委员会的所有成员以及与内部审计活动有关的组织和个人。

Điều 3. Giải thích từ ngữ

第三条：术语解释

1. "Công ty" hoặc "GAS CITY" là Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị;

“公司”或者“GAS CITY”指城市燃气投资发展股份公司;

2. "*Công ty mẹ*" là Công ty trong quan hệ Công ty mẹ - Công ty con, khi GAS CITY đầu tư vốn tại các Công ty con;

“母公司”指当 GAS CITY 向子公司投资时在母公司与子公司关系中的公司;

3. "*Công ty con*" là các Công ty được tổ chức dưới hình thức Công ty TNHH một thành viên do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoặc Công ty cổ phần mà Công ty mẹ nắm quyền chi phối hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật;

“子公司”指以责任有限公司形式组建的由母公司持有 100%注册资本、控股权或根据法律规定的其他情形的公司;

4. "*Đơn vị trực thuộc*" là các Chi nhánh, văn phòng đại diện, các phòng ban chức năng thuộc Công ty mẹ;

“直属单位”指母公司的分支机构、办事处、职能部门;

5. "Hội đồng quản trị" (HĐQT) là Hội đồng quản trị GAS CITY;

“董事会”指城市燃气投资发展股份公司的董事会;

6. "Người điều hành GAS CITY " hoặc "Người điều hành" là Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng GAS CITY;

“城市燃气的管理层”或“管理层”指公司的总经理、副总经理、总会计师;

7. "Kiểm toán nội bộ" là việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ;

“内部审计”指检查、评价和监督内部审计工作的充分性、适当性和有效性;

8. "Ban Kiểm toán nội bộ" (Ban KTNB) là đơn vị trực thuộc HĐQT được quy định trong Quy chế này;

“内部审计会”指本规则中规定的董事会直属单位;

9. "Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ" là người được HĐQT bổ nhiệm làm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ;

“内部审计会负责人”指由董事会任命为内部审计负责人职务的人;

10. "Người làm công tác kiểm toán nội bộ" là người thực hiện công tác kiểm toán nội bộ của GAS CITY;

“内部审计员”是指对 GAS CITY 实施内部审计审工作的人员;

11. "Người có liên quan của người làm công tác kiểm toán nội bộ" là bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu.

“内部审计员的有关人员”是指生父、生母、养父、养母、公公、婆婆、岳父、岳母、配偶、亲生子女、养子女，亲生兄弟、亲生姐妹、姐夫、妹夫、嫂子、弟媳。

Điều 4. Mục tiêu của kiểm toán nội bộ

第四条：内部审计会目标

Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các khuyến nghị về các nội dung sau:

通过检查、评估和咨询，内部审计会提供独立和客观的保证和建议如下:

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ của GAS CITY đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro.

城市燃气内部控制系统已建立和运行以预防、检测和应对各种风险。

2. Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của GAS CITY đảm bảo tính hiệu quả và hiệu suất của hệ thống quản trị và quản lý rủi ro.

城市燃气管治流程和风险管理流程确保风险管理系统的有效性和效率。

3. Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà GAS CITY đạt được.

城市燃气实现的运营目标、战略目标、计划和工作任务。

Điều 5. Vị trí của kiểm toán nội bộ

第五条：内部审计的定位

1. Ban KTNB được thành lập bởi HĐQT và chịu sự quản lý trực tiếp của HĐQT.

内部审计会由董事会设立并直接管理。

2. Trưởng Ban KTNB báo cáo các vấn đề chuyên môn cho HĐQT. Báo cáo chuyên môn được thể hiện qua việc HĐQT thực hiện:

内部审计会负责人向董事会报告专业问题，专业问题会在董事会实施以下工作展示：

a) Phê duyệt Quy chế kiểm toán nội bộ;

批准内部审计规则；

b) Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ theo định hướng rủi ro;

批准风险导向的内部审计计划；

c) Phê duyệt Ngân sách và kế hoạch nguồn lực kiểm toán nội bộ;

批准内部审计资源预算和计划；

d) Nhận các báo cáo từ Trưởng Ban KTNB về việc thực hiện kiểm toán nội bộ theo kế hoạch kiểm toán và các vấn đề khác có liên quan;

收取内部审计会主任按计划执行内部审计情况及其他相关问题的报告；

đ) Phê duyệt các quyết định liên quan đến việc bổ nhiệm và miễn nhiệm vị trí Trưởng Ban KTNB, Phó Trưởng Ban KTNB;

批准任命和罢免内部审计会主任、副主任的决定；

e) Phê duyệt mức lương của Trưởng Ban KTNB, Phó Trưởng Ban KTNB;

批准内部审计会主任、副主任的薪酬；

g) Thực hiện các chất vấn cần thiết đối với Người điều hành và Trưởng Ban KTNB nhằm xác định liệu phạm vi kiểm toán có phù hợp hay có tồn tại những hạn chế về nguồn lực kiểm toán nội bộ.

向管理层和内部审计会主任进行必要的询问，以确定审计范围是否恰当或是否存在内部审计资源限制。

3. Trưởng Ban KTNB sẽ báo cáo thủ tục hành chính (ví dụ thông báo lịch kiểm toán, các vấn đề về đi lại, công tác phí,...) trực tiếp cho Giám đốc hoặc người được Giám đốc ủy quyền.

内部审计会主任将直接向总经理或总经理授权人报告行政程序（例如：通知审计时间表、出差费用等）。

4. Trưởng Ban KTNB có quyền báo cáo và trao đổi trực tiếp với Chủ tịch HĐQT/HĐQT khi cần thiết.

内部审计会主任有权在必要时直接向董事会或董事长报告和讨论工作。

Điều 6. Tổng quan về kiểm toán nội bộ

第六条：内部审计概况

1. Các hoạt động kiểm tra đánh giá, giám sát và hỗ trợ của Ban KTNB không làm giảm trách nhiệm của Người điều hành trong việc xác định, đánh giá và quản trị các rủi ro.

内部审计会的检查、评估、监督和协助并不减少管理层在识别、评估和风险管理方面的责任。

2. Hoạt động kiểm toán nội bộ sẽ đưa ra các khuyến nghị để cải tiến công tác điều hành cũng như quản lý các rủi ro. Người điều hành có quyền và trách nhiệm đưa ra quyết định về việc thực hiện các khuyến nghị này hoặc thực hiện các hành động khác được cho là có hiệu quả về mặt chi phí và phù hợp hơn. Tuy nhiên, hoạt động kiểm toán nội bộ sẽ tiếp tục báo cáo các rủi ro đã được xác định nếu không được giải quyết thỏa đáng theo quan điểm của Ban KTNB.

内部审计将提出改进运营和管理风险的建议。管理层有权力和责任做出关于实施内部审计会的建议或采取其他更适合及具成本效益的决定。但是，如果内部审计会没有妥善解决，内部审计将继续报告已确定的风险。

3. Để đảm bảo tính minh bạch, Trưởng Ban KTNB báo cáo kết quả kiểm toán cho HĐQT và Giám đốc.

为确保透明度，内部审计会主任向董事会和总经理报告审计结果。

Điều 7. Phạm vi của kiểm toán nội bộ

第七条：内部审计的范围

1. Kiểm toán nội bộ bao gồm hoạt động đưa ra đảm bảo và tư vấn độc lập, khách quan được thiết kế nhằm tạo thêm giá trị và hoàn thiện các hoạt động của GAS CITY. Kiểm toán nội bộ giúp cho GAS CITY đạt được các mục tiêu của mình bằng cách áp dụng phương pháp tiếp cận có nguyên tắc và mang tính hệ thống nhằm đánh giá và nâng cao hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro, quy trình kiểm soát và quản trị.

内部审计包括提供可行和独立、客观咨询的活动，旨在创造价值和完善城市燃气的各项活动。内部审计通过应用原则、系统和规范性的方法来评估和改进风险管理、监控和管治流程的效率，帮助城市燃气实现企业目标。

2. Phạm vi kiểm toán nội bộ bao gồm nhưng không giới hạn ở việc kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cũng như chất lượng hiệu suất trong việc thực thi trách nhiệm được giao và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện để đạt được mục tiêu và mục đích của doanh nghiệp.

内部审计的范围包括但不限于检查和评价管理、风险管理和内部管治的完整性和有效性、履行职责的绩效质量和提出改进建议以实现企业目标。

3. Phạm vi của kiểm toán nội bộ bao gồm:

内部审计的范围包括:

a) Đưa ra đảm bảo thông qua việc kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm giúp GAS CITY đạt được các mục tiêu chiến lược, hoạt động, tuân thủ và tài chính:

通过检查管治和评估风险管理和内部监控的完整性和有效性以保证帮助城市燃气实现战略、运营和财务目标:

- Theo dõi và đánh giá các quy trình quản trị.

监控和评估管治流程;

- Theo dõi và đánh giá hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro của doanh nghiệp.

监控和评估风险管理流程的有效性;

- Đánh giá rủi ro liên quan đến việc đạt được các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp.

评估实现业务战略目标所涉及的风险;

- Đánh giá các hệ thống được thiết lập để đảm bảo tuân thủ các chính sách, kế hoạch, thủ tục, luật pháp, chế độ tài chính, kế toán và quy định có thể có tác động đáng kể đến GAS CITY.

评估现有系统以确保遵守可能对城市燃气产生重大影响的政策、计划、程序、法律、财务、会计制度和规定;

- Đánh giá các phương tiện bảo vệ tài sản và xác minh sự hiện hữu của các tài sản đó khi cần.

评估保护资产的方法并必要时核实那些资产的存在;

- Báo cáo các rủi ro đáng kể và các vấn đề kiểm soát bao gồm rủi ro gian lận, vấn đề quản trị và các vấn đề khác cần thiết hoặc theo yêu cầu của HĐQT.

报告重大风险和监控问题，包括欺诈风险、管治问题和其他必要或董事会要求的事项。

b) Đưa ra các phân tích chuyên sâu và các kiến nghị dựa trên đánh giá dữ liệu và các quy trình của doanh nghiệp:

根据对企业数据和流程的评估，提供深入分析和建议：

- Đánh giá độ tin cậy và tính toàn vẹn của hệ thống thông tin quản lý và các phương tiện được sử dụng để xác định, đo lường, phân loại và báo cáo thông tin đó.

评估管理信息系统的可靠性和完整性和评估用于识别、测量、分类和报告此类信息的方法；

- Phân tích các hoạt động hoặc chương trình để xác định kết quả có phù hợp với mục tiêu và mục đích đã thiết lập không.

分析各经营活动或方案以确定结果是否与既定目标相符；

- Đánh giá các hoạt động hoặc chương trình có được thực hiện theo kế hoạch không.

评估各经营活动或实施方式是否按计划执行；

- Đánh giá hiệu quả và hiệu suất sử dụng các nguồn lực.

评估资源使用的效果和效率。

c) Đưa ra các tư vấn, kiến nghị một cách độc lập khách quan: Thực hiện các hoạt động tư vấn liên quan đến quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ phù hợp với GAS CITY.

根据城市燃气实施与风险管理和内部管治流程相关的咨询事宜，提供独立客观的意见和建议：

d) Kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của HĐQT/Chủ tịch HĐQT nếu phù hợp với nguồn lực hiện có của Ban KTNB.

在符合内部审计会现有资源情况下，检查和评估董事会或董事长要求的具体活动。

Điều 8. Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ

第八条：内部审计基本原则

1. Tính độc lập:

独立性

a) Người làm công tác kiểm toán nội bộ không được đồng thời đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ. Kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào trong khi thực hiện nhiệm vụ báo cáo và đánh giá.

内部审计工作人员不得同时承担属于内部审计对象的工作。内部审计在执行报告和评估任务时不受任何干预。

b) Người làm công tác kiểm toán nội bộ không được tham gia kiểm toán các hoạt động và các bộ phận/đơn vị mà người làm công tác kiểm toán nội bộ đó chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận/đơn vị đó trong vòng 03 năm gần nhất.

内部审计工作人员不得参与此人员在最近 3 年内负责部门/单位的审计活动和管理活动。

c) Người làm công tác kiểm toán nội bộ không được tham gia kiểm toán các hoạt động và các bộ phận/đơn vị mà người có liên quan của người làm công tác kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động hoặc quản lý bộ phận/đơn vị đó.

内部审计工作人员不得参与审计此人员关联人负责或管理职务的部门/单位。

2. Tính khách quan: Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải đảm bảo khách quan, chính xác, trung thực, công bằng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ. Kiểm toán nội bộ duy trì thái độ, tinh thần không thiên vị để đưa ra đánh giá công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi bất kỳ hoạt động, mối quan hệ hoặc lợi ích nào có thể làm ảnh hưởng, sai lệch hoặc bị coi là có thể làm sai lệch các đánh giá chuyên môn khách quan của mình.

客观性：内部审计人员在执行内部审计任务过程中，应确保客观、准确、诚实和公平。内部审计保持公正的态度，对所有相关事项进行公正评估，不受任何可能影响其客观专业判断的活动、关系或利益支配。

3. Tuân thủ pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kiểm toán nội bộ.

遵守法律规定开展内部审计活动并承担责任。

Điều 9. Chuẩn mực chuyên môn

第九条：专业标准

1. Ban KTNB phải tuân thủ các quy định pháp luật về kiểm toán nội bộ, chuẩn mực kiểm toán nội bộ và nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công bố. Đối với những nội dung chưa được quy định rõ ràng, Ban KTNB cân nhắc áp dụng các thông lệ quốc tế về kiểm toán nội bộ nếu thông lệ đó không mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật khác.

内部审计会必须遵守国家主管部门颁布关于内部审计法律规定、内部审计标准和职业道德原则。对于未明确规定的內容，在与其他法律文件不冲突的情况下，内部审计会考虑采取国际内部审计惯例。

2. Ban KTNB phải tuân thủ các chính sách và thủ tục liên quan của GAS CITY về kiểm toán nội bộ, bao gồm cả Quy trình kiểm toán nội bộ được HĐQT phê duyệt và ban hành.

内部审计会必须遵守城市燃气关于内部审计的相关政策和程序，包括董事会批准和发布的内部审计流程。

Điều 10. Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ

第十条：内部审计职业道德原则

1. Tính chính trực: Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải thực hiện các công việc chuyên môn với sự trung thực, tính cẩn trọng và tinh thần trách nhiệm; Tuân thủ các quy định pháp luật và công bố các thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và yêu cầu chuyên môn của kiểm toán nội bộ; Không tham gia các hoạt động phi pháp làm tổn hại đến uy tín của GAS CITY.

诚信：内部审计员必须以诚实、谨慎和责任感从事专业工作；遵守法律规定，按照法律规定和内部审计专业要求披露必要的信息；不参与损害城市燃气声誉的非法活动。

2. Tính khách quan: Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải thể hiện mức độ cao nhất về tính khách quan trong việc thu thập, đánh giá và trao đổi thông tin về các hoạt động và quy trình được kiểm toán. Người làm công tác kiểm toán nội bộ được đưa ra các đánh giá khách quan về tất cả các tình huống liên quan và không bị ảnh hưởng chi phối từ các lợi ích cá nhân hoặc từ bất kỳ tổ chức, cá nhân nào trong việc đưa ra các xét đoán và kết luận.

客观性：内部审计员在收集、评估被审计活动和流程相关信息时必须表现最高的客观性。内部审计员对所有相关情况进行客观评估，在作出判断和结论时不受个人利益或任何组织、个人的影响。

3. Năng lực chuyên môn và tính thận trọng: Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải áp dụng các kiến thức, các kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn trong

công tác kiểm toán nội bộ, đồng thời hành động một cách thận trọng, phù hợp với các chuẩn mực nghề nghiệp và kỹ thuật được áp dụng.

专业能力和谨慎性：内部审计员必须运用专业知识、技能和经验从事内部审计工作，并按照专业技术标准谨慎行事。

4. Tính bảo mật: Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải tôn trọng các giá trị và quyền sở hữu của các thông tin được cung cấp và không tiết lộ các thông tin này nếu không được phép của các cấp có thẩm quyền trừ khi việc tiết lộ thông tin thuộc trách nhiệm chuyên môn hoặc theo yêu cầu của luật pháp.

保密性：内部审计员必须尊重所提供信息的价值和所有权，未经主管部门许可不得披露该信息，除非信息披露属于专业责任或法律规定。

5. Tư cách nghề nghiệp: Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan, tránh bất kỳ hành động nào làm giảm uy tín nghề nghiệp.

职业资格：内部审计员必须遵守相关法律法规，避免任何损害职业声誉的行为。

6. Trưởng Ban KTNB phải có biện pháp theo dõi, đánh giá, quản lý nhằm đảm bảo người làm công tác kiểm toán nội bộ tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ.

内部审计会主任必须采取措施监督、评价和管理以确保内部审计员遵守内部审计职业道德原则。

Điều 11. Tiêu chuẩn và năng lực chuyên môn của người làm công tác kiểm toán nội bộ

第十一条：内部审计员的标准和专业能力

1. Tiêu chuẩn và năng lực chuyên môn của người làm công tác kiểm toán nội bộ:

内部审计人员的标准和专业能力：

a) Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật và sự nhìn nhận khách quan.

具备诚实的品质、法律意识和客观观念。

b) Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của GAS CITY, về kiểm toán, tài chính và quản trị kinh doanh; Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.

对城市燃气的法律和运营、审计、财务和工商管理有所了解；并具有收集、分析、评估和汇总信息的能力、具备内部审计的知识和技能。

c) Có bằng cử nhân chuyên ngành: kiểm toán, kế toán, tài chính, quản trị, quản lý đầu tư xây dựng, có kiến thức phù hợp và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ, có thời gian từ 03 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành được đào tạo hoặc 02 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán, thanh tra.

拥有审计、会计、财务、企业管理、建设投资管理学士学位，在内部审计领域具备最新知识；得到专业培训工作 03 年以上或者 02 年以上担任审计员、会计师或检查员职务。

d) Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật.

未因经济、财务、会计管理失误受到警告以上处分或不处于纪律处分期间。

2. Tiêu chuẩn và năng lực chuyên môn của Trưởng Ban KTNB và cấp phó:

内部审计会主任及副主任的标准和专业能力：

a) Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn của người làm công tác kiểm toán nội bộ, Trưởng Ban KTNB tối thiểu phải có bằng cử nhân thuộc các chuyên ngành kiểm toán, kế toán, tài chính và có thời gian từ 05 năm trở lên làm việc theo chuyên ngành được đào tạo.

除了具有内部审计员的条件和标准外，内部审计会主任必须至少具备审计、会计或财务专业的学士学位，且按照专业培训工作 5 年以上。

b) Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ: ngoài các tiêu chuẩn của người làm công tác kiểm toán nội bộ, tối thiểu phải có bằng cử nhân thuộc các chuyên ngành kiểm toán, kế toán, tài chính và có kinh nghiệm làm việc trong các chuyên ngành này tối thiểu là 03 năm.

内部审计会副主任：除了具有内部审计员的条件外，内部审计会副主任必须拥有审计、会计或财务专业学士学位，且按照专业培训工作至少 3 年。

3. Trưởng Ban KTNB phải đánh giá về kỹ năng và kiến thức của Ban KTNB để thực hiện kiểm toán một cách hiệu quả, có thể yêu cầu sử dụng chuyên gia/tư vấn bên ngoài/thuê dịch vụ kiểm toán tham gia các cuộc kiểm toán nội bộ trong trường hợp cần thiết nhưng Trưởng Ban KTNB phải lập kế hoạch sử dụng chuyên gia/tư vấn bên ngoài/thuê dịch vụ kiểm toán báo cáo HĐQT phê duyệt. Trường hợp Công ty mẹ thuê tổ chức kiểm toán độc lập để cung cấp dịch vụ kiểm

toán nội bộ phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của cuộc kiểm toán nội bộ và các yêu cầu nhằm đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Quy chế này.

内部审计委员会主任必须评估内部审计会有效执行审计的技能和知识，可以聘请外部专家/顾问/外包审计服务、但内部审计委员会主任必须制定使用外部专家/顾问/外包审计服务的计划且向董事会报告。如果母公司聘请独立审计机构提供内部审计服务，必须保证符合本规则第八、九、十条关于内部审计基本原则的规定。

4. Trưởng Ban KTNB chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán của người làm công tác kiểm toán nội bộ và cần đảm bảo các mục tiêu của kiểm toán nêu trong kế hoạch kiểm toán được phê duyệt đã đạt được. Trưởng Ban KTNB thiết lập kế hoạch chi tiết hợp lý để hoàn thành mỗi cuộc kiểm toán (từ khi bắt đầu thực hiện đến khi ban hành báo cáo kiểm toán) sau khi xem xét tính chất và sự phức tạp của cuộc kiểm toán.

内部审计委员会主任负责内部审计员的审计工作，并确保已批准审计计划的目标已实现。内部审计委员会主任在考虑审计工作的性质和复杂性后，为完成审计工作（从开始到出具审计报告）制定合理的详细计划。

5. Người làm công tác kiểm toán nội bộ được đào tạo, bồi dưỡng các kiến thức cần thiết để thực hiện công việc kiểm toán. Việc đào tạo, bồi dưỡng được duy trì thường xuyên để tất cả người làm công tác kiểm toán nội bộ có thể theo kịp sự phát triển của ngành và nâng cao kỹ năng chuyên môn.

内部审计员接受培训和培养，以履行审计工作。定期进行培训，使所有内部审计人员都能跟上行业发展并提高他们的专业技能。

Điều 12. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm toán nội bộ

第十二条：内部审计会的任务、职责及职权

1. Nhiệm vụ của Ban Kiểm toán nội bộ:

内部审计会任务：

a) Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ trình HĐQT phê duyệt; Xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm dựa trên định hướng rủi ro một cách linh hoạt trình HĐQT phê duyệt;

制定内部审计工作流程并呈交董事会批准；根据风险评估灵活制定年度内部审计计划呈交董事会批准；

b) Rà soát và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ khi cần thiết để đáp ứng với những thay đổi trong kinh doanh, rủi ro, hoạt động, chương trình, hệ thống và kiểm soát của GAS CITY; Báo cáo với HĐQT các thay đổi trong kế hoạch kiểm toán nội bộ để HĐQT xem xét, phê duyệt;

在需要时审查和调整内部审计计划以应对公司业务、风险、运营、计划、系统和管理的变化; 呈报董事会内部审计计划的变化供董事会审议和审批;

c) Thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được phê duyệt; Kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của HĐQT;

根据批准计划开展内部审计工作; 应董事会要求进行不定期审计和咨询;

d) Cân nhắc sử dụng kết quả công việc của các bộ phận giám sát khác một cách phù hợp để tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực kiểm toán nội bộ, tránh trùng lặp trong công việc;

考虑适当利用其他监督部门的工作成果, 以优化内部审计资源使用, 避免重复工作;

đ) Xem xét phạm vi công việc của kiểm toán độc lập và các cơ quan nhà nước nhằm đưa ra phạm vi kiểm toán nội bộ tối ưu cho GAS CITY với nguồn lực hợp lý nhất;

考虑独立审计和国家机构的工作范围, 以便以最合理的资源为城市燃气提供最佳的内部审计范围;

e) Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót, đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;

提出纠正错误、完善和提高内部制度的有效措施;

g) Lập báo cáo kiểm toán nội bộ;

制定内部审计报告;

h) Thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định của GAS CITY và quy định của pháp luật;

根据城市燃气和法律的规定, 通知并及时发送内部审计报告;

i) Chính sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của đơn vị;

调整、补充、完善内部审计方法和内部审计活动范围，以及时更新并跟上公司发展；

k) Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của GAS CITY nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả;

与城市燃气独立审计机构保持定期沟通，确保有效合作；

l) Bảo đảm duy trì đội ngũ kiểm toán chuyên nghiệp có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cũng như bằng cấp chuyên môn có thể đáp ứng yêu cầu của các hoạt động của kiểm toán nội bộ;

确保保持专业资格的审计团队具备足够知识、技能和经验，以满足内部审计工作要求；

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT giao.

履行董事会分配的其他任务。

2. Trách nhiệm của Ban Kiểm toán nội bộ:

内部审计会职责：

a) Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và các quy chế quản trị nội bộ của GAS CITY;

根据现行法律和城市燃气内部管理规定对文件和信息保密；

b) Chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, khuyến nghị trong các báo cáo kiểm toán nội bộ;

对内部审计工作结果、内部审计报告中的评价和建议向董事会和法律承担责任；

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các đơn vị/bộ phận;

跟进、督促和检查各单位/部门在内部审计后建议工作的执行情况；

d) Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho người làm công tác kiểm toán nội bộ.

持续培训，提高和确保内部审计员的专业能力。

3. Quyền hạn của Ban Kiểm toán nội bộ:

内部审计会的职权：

- a) Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
- 根据批准的审计计划积极执行任务;
- b) Được trang bị nguồn lực cần thiết để thực hiện công việc theo kế hoạch đã được phê duyệt;
- 配备必要的资源, 按照批准的计划开展工作;
- c) Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ;
- 得以及时提供内部审计工作需要的所有信息、文件和记录;
- d) Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ;
- 在内部审计时可以访问和查看所有业务流程和资产;
- đ) Được tiếp cận, phỏng vấn tất cả các cán bộ, nhân viên của GAS CITY về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán;
- 就审计内容相关的问题与城市燃气的所有员工接触和访问;
- e) Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của HĐQT và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ;
- 接收董事会及其他职能部门与内部审计工作有关的文件和会议记录;
- g) Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty;
- 按照法律规定或公司章程规定出席内部会议;
- h) Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị;
- 对内部审计发现和提出的建议, 内部审计会有权评价和监督各单位、部门负责人整改和改进工作;
- i) Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/đơn vị được kiểm toán;
- 审计调查部门/单位不合作时, 应得到安全保护;
- k) Tất cả cán bộ, nhân viên, các cấp quản lý có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, giải trình đầy đủ, kịp thời và phối hợp với Ban KTNB trong việc thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình.

所有公司员工和管理层均有责任配合内部审计会履行职责，提供完整的记录和解释。

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của người làm công tác kiểm toán nội bộ

第十三条：内部审计员职责和职权

1. Trách nhiệm:

职责

a) Thực hiện kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;

实施已批准的审计计划;

b) Xác định các thông tin đầy đủ, tin cậy, phù hợp và hữu ích cho việc thực hiện các mục tiêu kiểm toán;

为实现审计目标，确定完整、可靠、适当和有用的信息;

c) Căn cứ vào các phân tích và đánh giá phù hợp để đưa ra kết luận và các kết quả kiểm toán một cách độc lập, khách quan;

恰当分析和评估，独立客观的得出审计结果;

d) Lưu các thông tin liên quan để hỗ trợ các kết luận và đưa ra kết quả kiểm toán;

为支持审计结果保留相关信息;

đ) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán được giao thực hiện;

对分配履行的审计结果负责;

e) Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;

根据法律规定保密信息;

g) Không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp;

不断提高职业技能，维护职业道德;

h) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ.

根据法律和《内部审计规则》规定的其他职责。

2. Quyền hạn:

职权

a) Trong khi thực hiện kiểm toán có quyền độc lập trong việc nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;

在履行审计时，有权对审计内容独立提出意见、评价、结论和建议；

b) Có quyền yêu cầu bộ phận/đơn vị được kiểm toán cung cấp kịp thời, đầy đủ tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung kiểm toán;

有权要求被审计部门/单位及时提供与审计内容相关的文件和资料；

c) Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán trong phạm vi được phân công;

在职责范围内对审计结果保留书面意见；

d) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

根据法律和《内部审计规则》规定履行的其他职权。

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ **第十四条：内部审计会主任职责和职权**

1. Trách nhiệm:

职责：

a) Quản lý và điều hành Ban KTNB thực hiện nhiệm vụ theo quy định;

管理内部审计会按规定履行职责；

b) Đảm bảo nhân sự của Ban KTNB được đào tạo thường xuyên, có đủ trình độ, năng lực chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ;

确保内部审计会人员定期接受培训，具备足够的资质和专业能力；

c) Thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực của kiểm toán nội bộ;

采取措施确保内部审计独立性、客观性和诚实性；

d) Báo cáo HĐQT khi phát hiện các vấn đề yếu kém, tồn tại của hệ thống kiểm soát nội bộ;

发现内部控制系统缺点和问题时向董事会报告；

đ) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm toán do Ban KTNB thực hiện;

对内部审计会执行的审计结果负责；

e) Bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật;

根据法律规定保密信息；

g) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy chế kiểm toán nội bộ.

根据法律和《内部审计规则》规定的其他职责。

2. Quyền hạn:

职权：

a) Đề xuất với HĐQT ban hành quy chế, quy trình kiểm toán nội bộ và các phương pháp nghiệp vụ kiểm toán nội bộ;

提议董事会颁布内部审计规则、流程和内部审计专业方法；

b) Được đề nghị trung tập người ở các bộ phận khác; được đề xuất thuê chuyên gia, tư vấn, thuê dịch vụ kiểm toán tham gia các cuộc kiểm toán nội bộ khi cần thiết, với điều kiện đảm bảo tính độc lập của kiểm toán nội bộ;

在保证内部审计独立性的前提下，有权建议使用其他部门人员；聘用专家、顾问，必要时租用审计服务单位参与内部审计工作；

c) Dự các cuộc họp theo quy định nội bộ của đơn vị và quy định của pháp luật;

根据法律和公司内部的规定参加会议；

d) Thực hiện các quyền hạn quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 13 Quy chế này;

履行本规则第 13 条第 2 款 a、b 和 c 点规定的职权；

đ) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế về kiểm toán nội bộ.

履行法律和《内部审计规则》规定的其他职权。

Điều 15. Tính độc lập và khách quan của kiểm toán nội bộ

第十五条：内部审计的客观性及独立性

1. Ban KTNB không bị can thiệp bởi bất kỳ yếu tố nào trong GAS CITY, bao gồm các vấn đề lựa chọn kiểm toán, phạm vi, thủ tục, tần suất, thời gian hoặc nội dung báo cáo để cho phép duy trì thái độ tinh thần độc lập và khách quan cần thiết.

内部审计会不受任何因素的影响，包括审计选择、范围、程序、时间或报告内容等问题，以确保必要的独立客观精神。

2. Người làm công tác kiểm toán nội bộ không có trách nhiệm hoặc quyền hạn hoạt động trực tiếp đối với bất kỳ hoạt động nào được kiểm toán. Theo đó, người làm công tác kiểm toán nội bộ không thực hiện kiểm soát nội bộ, xây dựng quy trình, cài đặt hệ thống, chuẩn bị hồ sơ hoặc tham gia vào bất kỳ hoạt động nào khác có thể làm giảm xét đoán của người làm công tác kiểm toán nội bộ.

内部审计员对任何被审计的活动没有权限直接参与。内部审计员不得从事内部运营、制定流程、安装系统、准备记录或其他影响审计员判断的工作。

3. Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải thể hiện mức độ khách quan chuyên nghiệp cao nhất trong việc thu thập, đánh giá và truyền đạt thông tin về hoạt động hoặc quy trình được kiểm tra. Người làm công tác kiểm toán nội bộ phải đánh giá cân bằng tất cả các tình huống có liên quan và không bị ảnh hưởng quá mức bởi lợi ích của chính họ hoặc bởi những người khác trong việc đưa ra các xét đoán.

内部审计员在收集、评估和传达被审计工作流程相关信息时必须表现出最高程度客观性。内部审计员必须对所有相关情况进行公正评估，在做出判断时不得受到自身或他人利益的影响。

4. Khi phát hiện các tình huống thực tế hoặc ngoại cảnh có thể làm ảnh hưởng đến tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm toán nội bộ, Trưởng Ban KTNB phải báo cáo HĐQT để đưa ra phương án xử lý thích hợp và kịp thời, hạn chế tối đa các tác động đến tính độc lập và khách quan của kiểm toán nội bộ.

当发现可能影响内部审计工作独立性和客观性的实际或外部情况时，内部审计会主任应及时向董事会报告，提出适当处理计划，最大力度减少对内部审计工作独立性和客观性的影响。

5. Hàng năm, Trưởng Ban KTNB xác nhận với HĐQT về tính độc lập của GAS CITY đối với Ban Kiểm toán nội bộ.

内部审计会主任每年向董事会确认城市燃气对内部审计会的独立性。

Chương II

第二章

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

内部审计工作

Điều 16. Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ

第十六条：内部审计实施方式

Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ là phương pháp kiểm toán "định hướng theo rủi ro", ưu tiên tập trung nguồn lực để kiểm toán các đơn vị, bộ phận/quy trình được đánh giá có mức độ rủi ro cao.

内部审计实施方式是一种“以风险为导向”的审计方法，优先集中资源对评估高风险级别的单位、部门或流程进行审计。

Điều 17. Kế hoạch kiểm toán nội bộ

第十七条：内部审计计划

1. Hàng năm, trước ngày 15 tháng 12, Ban KTNB trình HĐQT kế hoạch kiểm toán nội bộ năm kế tiếp để HĐQT xem xét và phê duyệt.

每年 12 月 15 日前，内部审计会应向董事会提交下一年度的内部审计计划，呈报董事会审议通过。

2. Kế hoạch kiểm toán nội bộ sẽ bao gồm phạm vi kiểm toán, đối tượng kiểm toán, các mục tiêu kiểm toán, nội dung kiểm toán, niên độ kiểm toán, thời gian kiểm toán, lịch trình làm việc cũng như các yêu cầu về ngân sách và nguồn lực cho năm tài chính tiếp theo.

内部审计计划包括审计范围、审计对象、审计目标、审计内容、审计年度、审计时间、工作时间表以及下一财政年度预算和资源需求。

3. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm của đơn vị phải đáp ứng các yêu cầu sau:

公司年度内部审计计划必须满足以下要求：

a) Định hướng theo rủi ro;

风险导向

b) Phải dự phòng quỹ thời gian đủ để thực hiện các cuộc kiểm toán đột xuất ngay khi có yêu cầu hoặc khi có các thông tin về dấu hiệu sai phạm, dấu hiệu rủi ro cao ở các đối tượng kiểm toán.

必须有足够时间准备，在被审计对象有违规、高风险迹象时，以便立即进行临时审计。

4. Kế hoạch kiểm toán nội bộ có xem xét đến các ý kiến đóng góp từ HĐQT và Giám đốc. Trưởng Ban KTNB phải xem xét và báo cáo HĐQT điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết để đáp ứng với những thay đổi trong kinh doanh, rủi ro, hoạt động, chương trình, hệ thống và kiểm soát của GAS CITY. Bất kỳ điều chỉnh đáng kể nào từ kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt phải được thông báo cho Ban Kiểm soát, Giám đốc thông qua các báo cáo hoạt động định kỳ.

内部审计计划应考虑董事会和总经理的建议。内部审计会主任必须审查并向董事会报告，以应对在公司业务、风险、运营、计划、系统和控制方面发生变化的调整。经批准内部审计计划的任何调整必须通过定期绩效报告通知监事会和总经理。

5. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm phải được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Trưởng Ban KTNB trình lên HĐQT.

年度内部审计计划必须在内部审计会主任呈交董事会之日起 30 日内获得批准。

6. Kế hoạch kiểm toán nội bộ phải được gửi cho các thành viên HĐQT, Giám đốc, Ban Kiểm soát trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được phê duyệt.

内部审计计划须在批准之日起 7 个工作日内呈上董事会、监事会和总经理。

Điều 18. Quy trình kiểm toán nội bộ

第十八条：内部审计流程

Trưởng Ban KTNB phải xây dựng Quy trình kiểm toán nội bộ chi tiết phù hợp với đặc thù hoạt động của GAS CITY, tham vấn ý kiến của Giám đốc trước khi trình HĐQT ban hành.

内部审计会主任必须制定适合公司经营特点详细内部审计流程，并在呈报董事会颁布前征求总经理的意见。

Điều 19. Báo cáo kiểm toán và giám sát việc thực hiện kiến nghị kiểm toán

第十九条：审计报告和审计建议执行情况监督

1. Báo cáo từng cuộc kiểm toán nội bộ:

内部审计报告

a) Báo cáo từng cuộc kiểm toán nội bộ do Trưởng đoàn kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm lập, báo cáo Trưởng Ban KTNB trình HĐQT trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán. Báo cáo kiểm toán nội bộ phải có chữ ký của Trưởng đoàn kiểm toán nội bộ, Báo cáo trình HĐQT phải có chữ ký của Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ.

内部审计报告由内部审计组组长负责制定，向内部审计委员会主任报告，在审计完成后最多 30 个工作日内呈报董事会；内部审计报告应由内部审计组组长签名，提交董事会的报告须由内部审计委员会主任签名。

b) Báo cáo kiểm toán phải trình bày rõ: nội dung kiểm toán, phạm vi kiểm toán; những đánh giá, khuyến nghị về nội dung đã được kiểm toán và cơ sở đưa ra các ý kiến này; các yếu kém, tồn tại, các sai sót, vi phạm, kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và xử lý vi phạm.

审计报告应明确：审计内容、审计范围；对审计内容的评估和建议以及形成意见的依据；缺点、错误、违规行为，建议纠正、克服错误和处理违规行为的措施。

c) Báo cáo kiểm toán phải có ý kiến của Ban lãnh đạo đơn vị/bộ phận được kiểm toán. Trong trường hợp đơn vị/bộ phận được kiểm toán không thống nhất với kết quả kiểm toán, báo cáo kiểm toán nội bộ cần nêu rõ ý kiến không thống nhất của đơn vị/bộ phận được kiểm toán và lý do.

审计报告必须征求被审计单位/部门管理层的意见。被审计单位/部门对审计结果有异议时，内部审计报告应说明被审计单位/部门意见不一致及原因。

d) Báo cáo kiểm toán nội bộ sau khi hoàn thành được gửi cho HĐQT, Giám đốc, Ban Kiểm soát, đơn vị được kiểm toán và các bộ phận có liên quan.

内部审计报告完成后呈报董事会、监事会、总经理、被审计单位及相关部门。

2. Báo cáo định kỳ và báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm:

定期报告和年度内部审计报告:

a) Báo cáo kiểm toán nội bộ định kỳ: Muộn nhất ngày 30 tháng 7, Trưởng Ban KTNB phải gửi báo cáo kiểm toán về việc thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ 06 tháng đầu năm đã được phê duyệt cho HĐQT, nội dung báo cáo gồm:

定期内部审计报告：最迟 7 月 30 日，内部审计委员会主任必须向董事会呈报年度前 6 个月经批准内部审计计划执行情况的审计报告，报告内容包括:

- Tình trạng hoàn thành so với kế hoạch thời gian và ngân sách phân bổ của kiểm toán nội bộ;

与内部审计计划的时间和分配预算相比的完成情况;

- Đề xuất điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ (nếu có);

提议调整内部审计计划 (如有) ;

- Theo dõi việc ban hành các hành động khắc phục.

跟进纠正措施发布的工作。

b) Báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm: Muộn nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Trưởng Ban KTNB phải gửi Báo cáo kiểm toán hàng năm cho HĐQT, Giám đốc, Ban Kiểm soát.

年度内部审计报告: 最迟从财政年度结束之日后 60 日, 内部审计委员会主任必须将年度审计报告呈报董事会、监事会和总经理。

c) Báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

年度内部审计报告必须至少包括以下内容:

- Kế hoạch kiểm toán đã đề ra; công việc kiểm toán đã được thực hiện;

审计计划和落实情况;

- Tồn tại, sai phạm lớn đã được phát hiện; biện pháp mà kiểm toán nội bộ đã kiến nghị;

已发现存在的重大违规行为、内部审计建议的措施;

- Đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến hoạt động được kiểm toán và đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ;

对与审计活动有关的内部运营制度进行评估, 并提出完善内部运营制度的建议;

- Tình hình thực hiện các biện pháp, kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ;

内部审计措施和建议的落实情况;

- Tự đánh giá về thành quả kiểm toán nội bộ đã đạt được và các hướng phát triển trong tương lai.

内部审计结果和未来发展方向的评估;

d) Báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm phải có chữ ký của Trưởng Ban KTNB.

年度内部审计报告必须由内部审计会主任签名。

3. Báo cáo đột xuất:

临时报告:

Báo cáo đột xuất trong trường hợp có những vấn đề phát sinh trong năm tài chính:

财政年度出现问题时将进行临时报告:

a) Những vấn đề rủi ro mà kiểm toán nội bộ quan tâm, chú ý.

内部审计关心和关注的风险问题。

b) Bộc lộ, phát sinh sự yếu kém trong hệ thống kiểm soát nội bộ tại GAS CITY.

城市燃气内部运营系统中出现弱点。

c) Những phát hiện nghiêm trọng cần có sự chỉ đạo xử lý, khắc phục của HĐQT, Giám đốc.

发现需要董事会和总经理指导的严重问题。

d) Báo cáo bất thường trình bày các vấn đề phát sinh hoặc phát hiện cùng với những kiến nghị xử lý.

异常报告显示发现问题或提出处理问题的建议;

đ) Các báo cáo đột xuất khác.

其他临时报告。

4. Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ:

检查内部审计建议的执行情况:

a) Kiểm tra, đánh giá thời gian, kết quả những công việc mà đơn vị được kiểm toán đã thực hiện theo kiến nghị của kiểm toán nội bộ.

检查和评估被审计单位在内部审计建议下落实工作的时间和结果。

b) Báo cáo HĐQT, Giám đốc, Ban Kiểm soát về kết quả kiểm tra thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ đối với đơn vị được kiểm toán.

向董事会、监事会、总经理报告被审计单位在内部审计建议下落实情况的检查结果。

Điều 20. Lưu trữ báo cáo, hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ

第二十条：存档内部审计报告、记录和资料

1. Hồ sơ, tài liệu trong mỗi cuộc kiểm toán phải được ghi chép thành văn bản (giấy hoặc điện tử), lưu giữ theo trình tự để các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền khai thác và hiểu được các công việc, kết quả thực hiện trong các báo cáo kiểm toán.

内部审计的资料档案必须以书面形式（纸质或电子）记录并按顺序保存，以便有职权的个人和单位能够研究和了解审计报告中的工作和实施情况。

2. Các báo cáo, hồ sơ, tài liệu kiểm toán nội bộ phải được lưu giữ tại Ban KTNB ít nhất 10 năm.

内部审计报告、资料档案必须在内部审计会保存至少 10 年。

Điều 21. Đảm bảo và nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ

第二十一条：保证和提高内部审计质量

1. Ban KTNB phải duy trì một chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng bao gồm tất cả các khía cạnh của Ban KTNB.

内部审计会应维持和提高全面计划的质量。

Chương trình sẽ bao gồm đánh giá về tính tuân thủ của Ban KTNB với các quy định và chuẩn mực kiểm toán nội bộ; đánh giá việc tuân thủ Quy tắc đạo đức của người làm công tác kiểm toán nội bộ. Chương trình cũng đánh giá hiệu quả và hiệu suất của Ban KTNB và xác định các cơ hội để cải thiện.

该机计划包括评估内部审计会对内部审计标准和法规的遵守情况；评估内部审计员对道德准则的遵守情况；评估内部审计会的效率和绩效，和明确改善机会。

2. Ban KTNB phải tiến hành đánh giá nội bộ đối với hoạt động của kiểm toán nội bộ để đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ.

内部审计会必须对内部审计工作进行评估，以确保内部审计工作的质量。

Đánh giá nội bộ đối với hoạt động kiểm toán nội bộ là việc tự đánh giá lại hoạt động kiểm toán nội bộ vào cuối cuộc kiểm toán và việc tự đánh giá lại hàng năm về tổng thể hoạt động kiểm toán nội bộ do chính Ban KTNB thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng của hoạt động kiểm toán nội bộ.

内部审计工作评估是在审计结束时对内部审计工作审查和内部审计会自身对内部审计工作进行年度审查，以确保内部审计工作的质量。

3. Trong trường hợp cần thiết, Công ty mẹ có thể thuê tổ chức kiểm toán đủ điều kiện đánh giá độc lập bên ngoài để đánh giá chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ ít nhất 05 năm một lần.

必要时, 母公司可聘请有独立外部评价资质的审计机构, 至少每 5 年对内部审计工作质量进行一次评估。

4. Trưởng Ban KTNB có trách nhiệm báo cáo với HĐQT về chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng của Ban Kiểm toán nội bộ, bao gồm kết quả đánh giá nội bộ hàng năm và đánh giá của tổ chức bên ngoài (nếu có).

内部审计会主任负责向董事会报告内部审计会质量保证和改善计划, 包括年度内部审计结果和外部组织评估 (如有)。

Chương III

第三章

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN ĐỐI VỚI KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI GAS CITY

各部门单位对内部审计的责任

Điều 22. Trách nhiệm của HĐQT

第十二条：董事会责任

1. Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ tại GAS CITY.

颁布城市燃气内部审计规则；

2. Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ dựa trên rủi ro, Báo cáo kiểm toán nội bộ hàng năm.

根据年度内部审计报告、风险导向批准内部审计计划；

3. Phê duyệt Ngân sách kiểm toán nội bộ và kế hoạch nguồn lực.

批准内部审计预算和资源计划；

4. Nhận thông tin báo cáo từ Trưởng Ban KTNB về kết quả hoạt động của Ban KTNB liên quan đến kế hoạch của Bộ phận và các vấn đề khác.

接收内部审计会主任关于内部审计会绩效信息报告；

5. Quyết định về tổ chức bộ máy của kiểm toán nội bộ; bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Ban KTNB và Phó Trưởng Ban KTNB.

决定内部审计的组织架构，任免内部审计会主任和副主任；

6. Quyết định cơ chế tiền lương, thưởng, phụ cấp của Trưởng Ban KTNB và Phó Trưởng Ban KTNB.

决定内部审计会主任、副主任的薪酬、奖金、津贴机制。

7. Tạo điều kiện thuận lợi để Ban KTNB hoàn thành các nhiệm vụ.

为内部审计会完成工作创造有利条件。

8. Quyết định, phê duyệt việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ; chỉ đạo các bộ phận thực hiện kiến nghị của kiểm toán nội bộ; có biện pháp xử lý kịp thời khi có các kiến nghị, đề xuất của kiểm toán nội bộ.

决定并批准内部审计建议的实施；指导部门落实内部审计的建议；对内部审计提出的建议及时采取处理措施。

Điều 23. Trách nhiệm của Giám đốc

第二十三条：总经理责任

1. Tạo điều kiện thuận lợi để kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ được giao và chỉ đạo các bộ phận thực hiện phối hợp công tác với kiểm toán nội bộ theo quy định của Quy chế về kiểm toán nội bộ.

为内部审计完成分配的任务创造有利条件，并按照《内部审计条例》指导各部门配合内部审计工作。

2. Đôn đốc các đối tượng được kiểm toán thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Ban KTNB hoặc theo chỉ đạo của HĐQT, thông báo cho Ban KTNB tình hình thực hiện những kiến nghị đã thống nhất với Ban KTNB.

督促被审计单位落实内部审计会的建议或根据董事会指示，通报内部审计会关于内部审计会建议的落实情况。

3. Đảm bảo Ban KTNB được thông báo đầy đủ về các thay đổi, những vấn đề phát sinh mới trong hoạt động của đơn vị nhằm xác định sớm những rủi ro liên quan.

确保内部审计会了解单位经营过程中出现的变化和新问题，尽快识别相关风险。

Điều 24. Trách nhiệm của đối tượng được kiểm toán

第二十四条：审计对象的职责

1. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công việc kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban KTNB một cách trung thực, chính xác, không được che giấu thông tin.

应内部审计会的要求，诚实、准确地提供内部审计工作所需的所有信息、文件和记录，不得隐瞒信息。

2. Thông báo ngay cho Ban KTNB khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản, hoặc nguy cơ thất thoát tài sản.

发现缺点、不足、错误、风险、重大资产损失风险时，立即通知内部审计会。

3. Thực hiện những kiến nghị đã thông nhất với Ban KTNB hoặc theo chỉ đạo của HĐQT, Giám đốc.

执行经内部审计会同意的建议，或在董事会、总经理的指导下的建议。

4. Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để Ban KTNB làm việc đạt hiệu quả cao nhất.

为内部审计会最高效率工作创造一切最有利的条件。

Chương IV

第四章

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

执行条款

Điều 25. Hiệu lực thi hành

第二十五条：执行效力

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được HĐQT thông qua.

本规则经董事会批准后立即生效。

2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ của GAS CITY về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều của GAS CITY được ưu tiên áp dụng.

本规则与公司章程在同一问题上发生冲突时，以城市燃气章程的规定为准。

3. Trong trường hợp có các quy định mới của pháp luật có liên quan đến hoạt động kiểm toán nội bộ chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc khi các quy

định mới của pháp luật khác với quy định trong Quy chế này, quy định mới được áp dụng vào hoạt động của kiểm toán nội bộ.

如本条例中未提及与内部审计活动有关的新法律规定，或者当法律的新规定与本条例的规定不同时，新规定适用于内部审计工作。

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế

第二十六条：规则修改、补充和替换

1. Quy chế này sẽ được rà soát ít nhất 02 năm một lần hoặc khi cần thiết.

本规则将至少每 2 年或在必要时审查一次。

2. Mọi sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT xem xét, phê duyệt./.

对本规则的任何修改、补充或替换，须经董事会审批通过。

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

代表董事会

董事长

Nguyễn Thanh Tú

阮清秀